



THÙNG XE TẢI BẢO ÔN

INSULATED TRUCK BODY

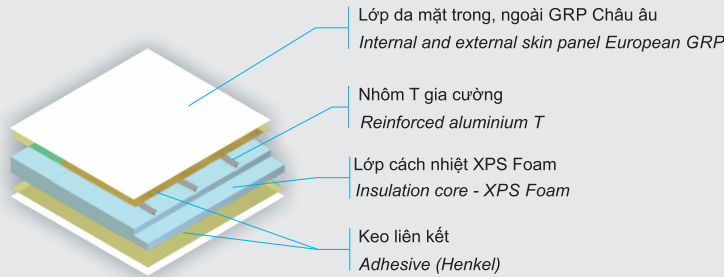
HINO XZU710L-WKFMS3

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

THÔNG TIN CHUNG / GENERAL		ĐVT / UNIT		XZU710L	XZU710L
Loại xe / Vehicle type				Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck	Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck
Nhãn hiệu / Mark, model code				HINO XZU710L-WKFMS3 -QA.BOF2S (F2R/F1S)	HINO XZU710L-WKFMS3 -QA.BOF2R1 (F2S1/F1S1)
Công thức bánh xe / Wheel formular				4 x 2	4 x 2
Thông số về kích thước / Dimensions					
Kích thước tổng thể (D x R x C) Overall (L x W x H)	mm			6390 x 2120 x 3040	6390 x 2120 x 3040
Kích thước bao thùng hàng (D x R x C) Body's external dimension (L x W x H)	mm			4600 x 2100 x 2100	4600 x 2100 x 2100
Kích thước trong thùng hàng (D x R x C) Body's internal dimension (L x W x H)	mm			4420 x 1960 x 1935	4420 x 1960 x 1935
Chiều dài cơ sở / Wheel base	mm			3430	3430
Vết bánh xe (Trước / Sau) Wheel track (Front/ Rear)	mm			1660 / 1480	1660 / 1480
Chiều dài đầu xe / đuôi xe Overhang (Front/ Rear)	mm			1115 / 1845	1115 / 1845
Chiều rộng cabin / Cabin width	mm			1995	1995
Thông số về khối lượng / Weight					
Khối lượng bản thân / Curb weight	Kg			3205	3315
Khối lượng chuyên chở theo thiết kế Payload	Kg			2100	1990
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế Max gross vehicle weight	Kg			5500	5500
Số người cho phép chở kể cả lái xe Seating capacity including driver				3	3
Bánh xe và lốp / Wheels and tyres					
+ Trục 1 (Bánh đơn) +First axle (quantity:2)				7.00-R16	7.00-R16
+ Trục 2 (Bánh kép) +Second axle (quantity:4)				7.00-R16	7.00-R16
Thiết bị điện / Electric equipment					
Áp định mức: 24V Out put: 24V				Ắc quy / Batteries: 12V - 60Ah - 2 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 60Ah - 2 bình
Máy phát Alternator				24V - 60A	24V - 60A
Thiết bị chuyên dùng / Special equipment					
Hệ thống lạnh Refrigerated Unit				-	-
Trang bị khác Other equipment				-	Máy Oxy (RV70 + ZLE-50LA) Roots blower systems

Lưu ý / Note: Các thông số kỹ thuật trên có thể thay đổi mà không cần báo trước / Product specifications can be changed at any time without previous notice.

CẤU TẠO CÁC LỚP PANEL / STRUCTURE OF SANDWICH PANEL



Độ Dày / Thickness Panel (mm)	Sàn phẳng / Flat floor 1.5T ~ 2.5T	Sàn sóng / corrugated 1.5T ~ 2.5T
Panel sàn Floor panel	80	90
Panel vách trước Front panel	63	63
Panel vách hông Two side wall panels	63	63
Panel nóc Roof panel	78	78
Panel cửa sau Rear door panels	63	63

CÔNG TY TNHH SX-TM-DV ÔTÔ QUYỀN

* Nhà máy Tây Ninh: Số 550, ấp 4, xã Lương Hòa, tỉnh Tây Ninh
* CN Cam Ranh: Thôn Cây Xoài, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa
* Tel: (0272) 3769 020 - (0272) 3769 022
* Fax: (0272) 3769 023
* Phòng kinh doanh:
Hotline: 090.810.9929 - 090.393.0444
Email: kd01@quyenauto.com
* Tư vấn kỹ thuật:
Hotline: 090.800.9030 - 093.890.9317
Email: technical@quyenauto.com

